CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
SAI GON BINH TAY BEER GROUP JSC
Địa chỉ trụ sở chính: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số doanh nghiệp: 0304116373

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No.*: 07 /2026/QĐ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, dated 24 April 2026

QUYẾT ĐỊNH
DECISION

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty - cập nhật
Re: Promulgating the Updated Internal Regulation on Corporate Governance

---

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
THE BOARD OF DIRECTORS
OF SAI GON BINH TAY BEER GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
  Pursuant to Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2026/ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 20/04/2026.
  Pursuant to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 02/2026/ĐHĐCĐ approved in the Annual General Meeting of Shareholders dated 20 April 2026.

QUYẾT ĐỊNH
DECIDES

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là " Quy chế nội bộ về quản trị công ty", sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 20/04/2026. (đính kèm)
Article 1. *Attached to this Decision is the "Internal Regulation on Corporate Governance", amended and supplemented in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 dated 20 April 2026. (attached hereto)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc SABIBECO, các đơn vị, phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.
Article 2. *This Decision is effective from the date of issue.*
Members of Board of Directors, General Director of SABIBECO, the relevant units, departments shall be responsible for implementation of this Decision./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN

M.S.D.N: 0304116373 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TAN TECK CHUAN LESTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

TRỤ SỞ: SỐ 8 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, PHƯỜNG SÀI GÒN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

ĐIỆN THOẠI: 028.38243586 FAX: 028.39151856

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 3

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3

Điều 2. Giải thích từ ngữ 4

CHƯƠNG II - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp 5

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết 6

Điều 7. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 8. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 9. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng 8

Điều 10. 8

CHƯƠNG III - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị. 8

Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị 9

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 9

Điều 14. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị 10

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. 11

CHƯƠNG IV - TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị 11

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị 11

Điều 19. Cách thức biểu quyết 12

Điều 20. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị 13

Điều 21. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị 13

Điều 22. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị: 14

CHƯƠNG V - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN 14

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên. 14

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên 14

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên 15

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 15

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 15

CHƯƠNG VI - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15

Điều 28. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 15

CHƯƠNG VII - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 16

Điều 29. Tiêu chuẩn Người điều hành công ty 16

Điều 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của công ty 17

Điều 31. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành 17

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành 17

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành 18

CHƯƠNG VIII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 18

MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 18
Điều 34. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị 18
Điều 35. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị 18
Điều 36. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 19
Điều 37. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát 19
Điều 38. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị 19
MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC 20
Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 20
Điều 40. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị 20
Điều 41. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc 20
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT 21
Điều 42. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát 21
Điều 43. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát 21
CHƯƠNG IX - QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ 22
Điều 44. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc 22
Điều 45. Khen thưởng 22
Điều 46. Xử lý vi phạm và kỷ luật 23
CHƯƠNG X - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 23
Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 23
Điều 48. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị công ty 23
Điều 49. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 23
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 24
CHƯƠNG XI - BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN 24
Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin 24
Điều 52. Công bố thông tin về quản trị công ty 24
Điều 53. Tổ chức công bố thông tin công ty 25
CHƯƠNG XII - CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 25
Điều 54. Báo cáo định kỳ hàng năm 25
Điều 55. Giám sát 25
Điều 56. Xử lý vi phạm 25
CHƯƠNG XIII - SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ 26
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty 26
CHƯƠNG XIV - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 26
Điều 58. Điều khoản thi hành 26
Điều 59. Hiệu lực 26

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

2. Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông; đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập vai trò, quyền và nghĩa vụ, những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.

3. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

4. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;

d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty (nếu có);

e. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;

f. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty (nếu có);

g. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;

h. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành khác;

i. Quy định báo cáo và công bố thông tin.

5. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:

a. Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây;

b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty;

d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "*Quản trị công ty*": là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.

b. "*Công ty*": là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

c. "*Điều lệ*": là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

d. "*Cổ đông*": là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

đ. "*Đại hội đồng Cổ đông*": là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

e. "*Người có liên quan*": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

f. "*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*": là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

g. "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*": là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán hiện hành.

h. "*Người điều hành*": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II - TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty hoặc/và danh sách người sở hữu chứng khoán cuối cùng của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, ngày giao dịch mà người mua không được hưởng quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

2. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua ứng dụng trên điện thoại thông minh, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp Người ủy quyền là cổ đông cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

- Trường hợp Người ủy quyền là cổ đông tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo bản chính một trong các giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền khi đăng ký dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền cho người khác.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn

đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến sẽ được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. [Xóa bỏ]

4. [Xóa bỏ]

5. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 7. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ. Các chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 23 của Điều lệ.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty tối thiểu 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 9. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10.

Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đã quy định trong Điều 22 của Điều lệ. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì thành viên Hội đồng quản trị cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị cần hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đại chúng.

Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đề cử được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm.

5. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

7. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 14. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra 01 (một) Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty đại chúng.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Có đơn từ chức;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu 06 (tháng) liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV - TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị tại điểm 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo qui định tại Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (*ba phần tư*) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 19. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

2. Trừ quy định tại điểm 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại điểm 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 21. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 22. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị:

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V - ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý tại công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 24. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự đối với ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 12 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo Khoản 3 và Khoản 4 Điều 37 Điều lệ công ty.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ…

2. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quy định.

4. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

6. Trường hợp công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị có thể cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự...

CHƯƠNG VII - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 29. Tiêu chuẩn Người điều hành công ty

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

c. Trình độ, kinh nghiệm:

- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của công ty.

- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của công ty ít nhất 03 (ba) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty.

a. Kế toán trưởng công ty có tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất 05 (năm) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

- Phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Điều 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của công ty

1. Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (*như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt công ty,* ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- Sơ yếu lí lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

- Chương trình hành động;

- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;

- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng;

- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có). Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 31. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người quản lý công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Người điều hành. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị công ty phải xem xét và quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến, quyết định của Hội đồng quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

- Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mẫn cán, thận trọng vì lợi ích của công ty và các cổ đông.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 35. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản trị công ty.

2. Phòng hành chánh quản trị công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải

được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá 03 (ba) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá 05 (năm) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc trưởng đơn vị trực thuộc công ty, trừ trường hợp nhân viên công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của công ty.

Điều 36. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 37. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Thư ký Hội đồng quản trị (nếu có) có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 38. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng giám đốc được quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 40. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 41. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành kinh doanh của công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

2. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,…) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của công ty, góp phần làm công ty phát triển bền vững, thúc đẩy sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông và tạo sự cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của công ty và các cổ đông;

6. Minh bạch hóa các quan hệ, công khai hóa các lợi ích;

7. Mẫn cán và trung thực;

Điều 43. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của công ty để giám sát các giao dịch kinh tế - dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với công ty và cổ đông của công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Ban Kiểm soát được nhân danh công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của công ty.

CHƯƠNG IX - QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 44. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng giám đốc ký quyết định bổ nhiệm), của công nhân viên trên cơ sở căn cứ vào các quy định của công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng đơn vị để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 45. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị mức đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân trong công ty.

2. Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền.

- Bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 46. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể chỉ định 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm Thư ký công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật, tài chính kế toán.

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị công ty.

Điều 49. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI - BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế công bố thông tin của công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 52. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;

- Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);

- Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;

- Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát;

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;

- Những điểm chưa thực hiện được theo kế hoạch, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đồng thời, có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị công ty này trên website của công ty.

Điều 53. Tổ chức công bố thông tin công ty

Tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

- Đề cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin. Cán bộ chuyên chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin có thể là Thư ký Hội đồng quản trị hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm. Cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin phải là người:

- Có kiến thức luật, tài chính, kế toán.

- Công khai tên, số điện thoại làm việc, email để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

- Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XII - CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 54. Báo cáo định kỳ hàng năm

Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Giám sát

Các đơn vị, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Xử lý vi phạm

Trường hợp các đơn vị, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi

phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII - SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, công ty có thể trình Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XIV - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng đơn vị trực thuộc công ty, các cổ đông và cán bộ, công nhân viên của công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 59. Hiệu lực

Quy chế này bao gồm 14 (mười bốn) chương, 59 (năm mươi chín) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 04 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

TAN TECK CHUAN LESTER